

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lệ Kiều

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Trung Tiến

Ông Huỳnh Mậu Thìn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐ-ST ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Lục Thị B**, sinh năm 1944; cư trú tại: Ấp Thanh H, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông **Lục Văn L**, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông **Lục Văn T**, sinh năm 1953 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông **Lục Văn H**, sinh năm 1949 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà **Lục Thị X** (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà **Trương Thị Hà**, sinh năm 1958 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông **Lục Văn T1**, sinh năm 1977. (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Chị **Lục Thị T2** (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Anh **Lục Văn V**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

8. Anh **Lục Văn K**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

9. Anh **Lục Văn K1**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

10. Anh **Lục Văn L1** (B), sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

11. **Ủy ban nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.** (Có đơn xin vắng mặt)

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi Minh T3; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lục Thị B trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà là cụ Lục Văn T3 và cụ Lâm Thị Y cho bà vào năm 1980. Khi cho đất chỉ nói miệng, anh chị em trong gia đình đều biết. Sau khi được cho đất thì bà ra ở riêng bồi đắp đất bằng phẳng cất nhà và trồng rẫy, chăn nuôi. Do phần đất này nhỏ hẹp không thuận tiện cho việc chăn nuôi nên năm 1992 mẹ bà kêu về ở phía sau phần đất được cho (phần đầu trong). Sau khi bà dời đi thì đất để trống. Năm 2005, bà có cho ông L mượn phần đất tranh chấp ngang 7m dài 14,5m. Khi cho mượn, giữa bà và ông L không lập giấy tờ. Năm 2006, ông L cất nhà tạm để ở đến năm 2007 thì ông L cất nhà ở phần đất khác nhưng không trả lại phần đất bà đã cho mượn mà kêu bán nền nhà của bà nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay bà yêu cầu ông Lục Văn L trả lại phần đất theo diện tích đo đạc thực tế ngang 7m dài 14,5m, diện tích 101,35 m<sup>2</sup>. Do đất tranh chấp thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lục Văn T đứng tên vì vậy bà yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đông H hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lục Văn T để cấp lại cho bà theo quy định của pháp luật.

- *Theo bị đơn ông Lục Văn L trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông là cụ Lục Văn T3 và cụ Lâm Thị Y cho bà Lục Thị B vào năm 1980. Lúc này ông đã lập gia đình và sống chung với cha mẹ. Đến năm 1983, ông chuyển gia đình về Gành H để thuận tiện cho việc làm nghề đánh bắt. Năm 1990, bà B hỏi ông cho đổi phần đất mà cha mẹ đã cho bà B để lấy phần đất phía sau vì phần đất phía sau rộng hơn (ngang 10m, dài khoảng hơn 20m) để thuận tiện cho việc chăn nuôi của bà B. Phần đất phía sau vẫn là quyền sử dụng đất của cha mẹ ông. Khi đổi đất

thì hai bên không có làm giấy tờ gì nhưng có ông T4 (chết) và anh rể thứ hai là ông Đỗ Văn L2 biết. Vào khoảng tháng 02 năm 2007 thì ông cất nhà mới ở trên phần đất còn lại của ông được cha mẹ cho thì phát sinh tranh chấp. Nay ông không đồng ý trả lại phần đất trên theo yêu cầu của bà Lục Thị B.

Căn cứ vào hồ sơ hiện trạng đo vẽ của Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định phần đất nằm tại thửa 141, tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lục Văn T đứng tên là không đúng, vì trước đến nay ông T không có canh tác và sử dụng trên phần đất này. Ông yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đông H hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lục Văn T để cấp lại cho ông theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lục Văn T trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa bà B và ông L có diện tích thuộc một phần thửa đất số 141, tờ bản đồ số 10 được Ủy ban nhân dân huyện Giá R (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lục Văn T năm 1998 là do vợ ông đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đo đạc tổng thể nên ông không biết được phần đất hiện nay bà B và ông L nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Ông xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cấp nhầm, phần đất này hiện nay ông không quản lý, sử dụng. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông không yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị X trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Lục Thị B với ông Lục Văn L là của cha mẹ bà là cụ Lục Văn T3 và cụ Lâm Thị Y khai phá vào năm 1960. Cha mẹ bà sử dụng từ năm 1960 đến năm 1988 thì cha bà chết. Khi cha bà chết thì bà có kêu ông Lục Văn T4 về sống chung và nuôi mẹ, đồng thời quản lý phần đất của cha mẹ để lại. Đến năm 2006 thì mẹ bà chết nên ông Lục Văn T4 tiếp tục quản lý phần đất này cho đến nay. Theo bà biết thì phần đất tranh chấp trước đây mẹ bà cho bà Lục Thị B (cho vào năm nào thì bà không nhớ). Bà B sử dụng phần đất này được một thời gian thì bà B dời nhà đi nơi khác. Theo bà biết, thì phần đất tranh chấp giữa bà B và ông L đã đổi với nhau còn cụ thể như thế nào thì bà không biết. Nay bà đồng ý giao lại phần đất tranh chấp cho ông Lục Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu hay ý kiến nào khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lục Văn H trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Lục Thị B với ông Lục Văn L là của cha mẹ ông là cụ Lục Văn T3 và cụ Lâm Thị Y khai phá vào năm 1960. Cha mẹ ông sử dụng từ năm 1960 đến năm 1988 thì cha ông chết. Khi cha ông chết thì ông có kêu ông Lục Văn T4 về sống chung và nuôi mẹ, đồng thời quản lý phần đất của cha mẹ để lại. Đến năm 2006 thì mẹ ông chết nên ông Lục Văn T4 tiếp tục quản lý phần đất này cho đến nay. Theo ông biết thì phần đất tranh chấp trước đây mẹ ông cho bà Lục Thị B (cho vào năm nào thì ông không nhớ). Bà B sử dụng phần đất này được một thời gian thì bà B dời nhà đi nơi khác. Theo ông biết, thì phần đất tranh chấp giữa bà B và ông L đã đổi với nhau còn cụ thể như thế nào thì ông không biết. Nay ông đồng ý giao lại phần đất tranh chấp cho ông Lục Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu hay ý kiến nào khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lục Văn T1 trình bày:* Về nguồn gốc phần đất là của ông bà nội anh là cụ Lục Văn T3 và cụ Lâm Thị Y, thời gian sau này anh được nghe nói lại là đã cho bà Lục Thị B. Ông L cho rằng phần đất tranh chấp đã đổi với bà B là không có, phần đất bà B quản lý, sử dụng là do ông T4 chuyển nhượng cho bà B không liên quan gì trong vụ án. Anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trình bày:* Bà là vợ của ông Lục Văn T4, trước đây cha chồng bà chết thì vợ chồng bà có về nuôi dưỡng mẹ chồng là bà Lâm Thị Y, khi về chung sống thì bà biết được phần đất mà hiện nay bà B và ông L tranh chấp mẹ chồng bà đã cho bà B. Phần đất này hiện nay không liên quan đến bà. Bà không có ý kiến hay trình bày gì thêm.

*Ủy ban nhân dân huyện Đông H trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa bà Lục Thị B và ông Lục Văn L theo bản trích đo thửa đất tranh chấp của Phòng Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 04/5/2018 là đúng. Phần đất tranh chấp diện tích 101,35m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 16, 24; tờ bản đồ 64 (bản đồ địa chính quy lập năm 2006), theo bản đồ địa chính lập năm 1995 nằm tại một phần thửa 141, tờ bản đồ số 10. Ông Lục Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141 tờ bản đồ số 10 (bản đồ 299), đất tọa lạc tại ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Giá R (cũ) cấp năm 1998. Hiện nay thửa đất chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006. Tuy nhiên, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân là mang tính chất đại trà theo bản đồ 299 (bản đồ không ảnh). Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lục Văn T tại thửa đất số 141 tờ bản đồ số 10 (bản đồ 299), UBND huyện đề nghị Tòa án xác minh làm rõ nhằm giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lục Thị T2, anh Lục Văn V, anh Lục Văn K, anh Lục Văn K1, anh Lục Văn L1 (B) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia nên không có ý kiến trình bày.

*Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thị B. Buộc ông Lục Văn L giao trả phần đất có diện tích 101,35m<sup>2</sup> cho bà Lục Thị B. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 101,35m<sup>2</sup> tại một phần thửa 141, tờ bản đồ số 10 do Ủy ban nhân dân huyện Giá R (cũ) cấp cho ông Lục Văn T vào ngày 31/10/1998. Bà Lục Thị B có quyền kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ

thẩm và chi phí thẩm định, định giá ông L phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lục Thị B khởi kiện yêu cầu ông Lục Văn L trả phần đất có diện tích 101,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 141, tờ bản đồ số 10, thửa đất tọa lạc ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu do ông Lục Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu thụ lý vào ngày 19 tháng 3 năm 2018; do có căn cứ hủy quyết định cá biệt nên Tòa án nhân dân huyện Đông H chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lục Thị T2, anh Lục Văn V, anh Lục Văn K, anh Lục Văn K1, anh Lục Văn L1 (B) vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06 tháng 4 năm 2018 (BL 66 – 67) và Trích đo phần đất tranh chấp ngày 04 tháng 5 năm 2018 (BL 68) đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau: Hướng Đông giáp phần đất ông Lục Văn L có số đo 14,5m. Hướng Tây giáp đường mương xô nước của ông Lục Văn T có số đo 14,5m. Hướng Nam giáp phần đất ông Lục Văn T có số đo 7,0m. Hướng Bắc giáp đường lộ kênh I có số đo 7,0m; tổng diện tích 101,35m<sup>2</sup>, tại thửa 141, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, do ông Lục Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất hiện do ông Lục Văn L đang quản lý. Hiện trạng đất là loại đất trồng cây lâu năm. Trên đất có một căn nhà, 01 chuồng heo và 01 nhà vệ sinh của ông Lục Văn L.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lục Thị B đòi ông Lục Văn L trả lại cho bà phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 101,35m<sup>2</sup>.

[4.1] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Bà Lục Thị B, ông Lục Văn L, ông Lục Văn H, bà Lục Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lục Văn T4 gồm bà Trương Thị H, anh Lục Văn T1 đều thống nhất xác định đất của cụ Lục Văn T3 và cụ Lâm Thị Y (cha mẹ ruột của ông L, bà B) cho bà Lục Thị B vào năm 1980. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Về quá trình quản lý sử dụng phần đất tranh chấp: Nguyên đơn bà Lục Thị B xác định sau khi được cho đất vào năm 1981, bà B đã cất nhà, trồng rẫy và chăn nuôi. Đến năm 2005, bà B mới cho ông Lục Văn L mượn đất để cất nhà ở. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất tranh chấp.

[4.3] Theo bà B xác định vào năm 2005, bà B cho ông Lục Văn L mượn đất cất nhà ở tạm; việc cho mượn chỉ bằng lời nói không làm giấy tờ. Phía bị đơn ông Lục Văn L xác định sau khi bà B được cho đất (phần đất tranh chấp) bà B đã đổi với ông vào năm 1990 để lấy phần đất phía sau rộng hơn (ngang 10m, dài khoảng hơn 20m) để thuận tiện cho việc chăn nuôi của bà B. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông L yêu cầu xác minh người làm chứng là ông T4 (chết) và anh rể thứ hai là ông Đỗ Văn L2 biết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 7 năm 2020, ông Đỗ Văn L2 xác định ông không trực tiếp chứng kiến việc đổi đất, chỉ nghe bà B và ông L nói lại và ông cũng ở gần đất nên biết được ông L đổi đất với bà B; ông L2 cũng không rõ diện tích đất đổi giữa bà B và ông L là bao nhiêu. Ngoài ra, theo lời khai của bà Lục Thị X và ông Lục Văn H xác định chỉ biết ông L và bà B đổi đất với nhau còn cụ thể như thế nào không biết. Do đó, lời khai của người làm chứng chưa có căn cứ xác định việc đổi đất. Tại phiên tòa, ông L cũng xác định phần đất đổi với bà B là của cha mẹ ông L, không phải của ông L. Ngoài những căn cứ trên, ông L không cung cấp tài liệu gì để chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế ông L không có phần đất nào đổi cho bà B vào thời điểm năm 1990 như ông L trình bày mà có căn cứ xác định bà B được cha mẹ cho đất, ông L được sử dụng đất là do bà B cho mượn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thị B về việc yêu cầu ông L trả quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế là 101,35m<sup>2</sup>.

[5] Đối với yêu cầu của bà B về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lục Văn T để cấp lại cho bà B theo quy định của pháp luật. Về thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Tòa án thu thập thì phần đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1998 cho ông Lục Văn T là cấp đại trà. Xét thấy, tại thời điểm ông Lục Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 thì ông T không trực tiếp quản lý sử dụng phần đất tranh chấp mà bên bà B đang trực tiếp quản lý, sử dụng và thời điểm Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân không đo đạc. Ông Lục Văn T cũng xác định phần đất tranh chấp giữa bà B và ông L là do Ủy ban nhân dân đã cấp nhầm, ông không có quản lý, sử dụng, vì vậy ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lục Thị B về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 101,35m<sup>2</sup> do ông Lục Văn T đứng tên tại thửa 141, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Tại phiên tòa, ông L xác định phần đất tranh chấp hiện nay bỏ trống, các tài sản được liệt kê trong biên bản xem xét, thẩm định ngày 06/4/2018 đã được tháo dỡ, hiện trên đất không còn tài sản gì. Về công sức bồi đắp, ông L xác định khi nhận đất sử dụng đến nay ông chỉ thuê người đắp đất với số tiền 400.000 đồng, nay ông không có yêu cầu chi phí bồi đắp đất cũng như tài sản trên đất. Còn về quan hệ gia đình, ông và bà Trần Thị N sống chung với nhau từ năm 2000 nhưng ông L xác định phần đất tranh chấp không liên quan gì đến bà N. Hiện tại đất tranh chấp chỉ có ông quản lý, trông coi, không còn ai khác.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản tranh chấp ông L phải chịu là 850.000 đồng, nguyên đơn bà Lục Thị B đã nộp tạm ứng. Ông Lục Văn L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Lục Thị B số tiền 850.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lục Văn L phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 91, 92, Điều 157, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thị B về việc yêu cầu ông Lục Văn L trả diện tích đất 101,35 m<sup>2</sup> tại thửa số 141, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu do ông Lục Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Lục Văn L có nghĩa vụ giao trả cho bà Lục Thị B phần đất có số đo, vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Lục Văn L có số đo 14,5m;
- Hướng Tây giáp đường mương xỏ nước của ông Lục Văn T có số đo 14,5m;
- Hướng Nam giáp phần đất ông Lục Văn T có số đo 7,0m;
- Hướng Bắc giáp đường lộ kênh I có số đo 7,0m.

Kèm theo bản án là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06 tháng 4 năm 2018 (BL 66 – 67) và Trích đo phần đất tranh chấp ngày 04 tháng 5 năm 2018 (BL 68).

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lục Thị B về yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M.631358 cấp cho ông Lục Văn T vào ngày 21/9/1998 đối với đất tranh chấp.

4. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M.631358 do Ủy ban nhân dân huyện Giá R (cũ), tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lục Văn T ngày 21/9/1998, đối với diện tích 101,35 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 141, theo tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bình Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu .

Bà Lục Thị B có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 101,35 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 141, tờ bản đồ số 10 theo quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Lục Thị B về yêu cầu ông Lục Văn L giao trả phần đất có diện tích 0,15m<sup>2</sup>.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản tranh chấp ông Lục Văn L phải chịu là 850.000 đồng, nguyên đơn bà Lục Thị B đã nộp tạm ứng 850.000 đồng. Ông Lục Văn L có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lục Thị B số tiền 850.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lục Văn L phải chịu 300.000 đồng. Bà Lục Thị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011026 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu nay được hoàn lại toàn bộ.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện Đông H;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lệ Kiều**